

DANH SÁCH HỌ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 4)

Dự án: bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Dầu Giây - Tân Phú (giai đoạn 1) đoạn qua địa huyện Tân Phú (xã Phú Lâm)

Địa chỉ: xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai

(Kèm theo thông báo số: 125 ngày 13/5/2026 của UBND xã Phú Lâm)

S ố T T	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất (m ²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc (đ)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng (đ)	Hỗ trợ các loại				Thưởng di dời	Tổng cộng	
			Tổng số	DT đất		DT đất Nông nghiệp									Tổng	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất	Hỗ trợ khác			
				Tổng g	Đất ở tại nông thôn	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất trồng lúa còn lại	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất chuyên trồng lúa										Đất bằng trồng cây hàng năm
1	Cao Thắng - Nguyễn Thị Xuân Phương	Ấp Phương Mai 1, Xã Phú Lâm	451	-	-	451	451	-	-	-	-	-	144,906,300	7,116,126	8,583,426	189,014,760	182,655,000	6,359,760	-	16,000,000	365,620,612
2	Lại Văn Tuyên	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	1969.7	-	-	1969.7	1969.7	-	-	-	-	-	632,864,610	23,235,600	254,780,072	799,318,440	797,728,500	1,589,940	-	20,000,000	1,730,198,722
3	Phạm Thái Sơn - Bùi Thị Dương	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	416.3	-	-	416.3	-	-	330.7	85.6	-	-	41,671,630	5,497,600	2,616,726	34,344,750	34,344,750	-	-	-	84,130,706
4	Ông Nguyễn Đức Thắng và người thừa kế theo pháp luật của bà Phạm Thị Phương	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	4171.4	-	-	4171.4	-	-	4171.4	-	-	-	417,557,140	-	14,961,531	-	-	-	-	16,000,000	448,518,671
5	Võ Thanh Hùng - Cao Thị Bé Hai	Ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	10268.3	-	-	10268.3	-	-	-	-	10268.3	-	1,488,903,500	-	65,213,306	853,478,010	847,118,250	6,359,760	-	20,000,000	2,427,594,816
6	Cao Văn Bé Tâm Chết (Đùng Giầy) - Võ Thanh Hùng - Cao Thị Bé Hai (Sử Dung)	Ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	1294.9	-	-	1294.9	-	369.7	-	-	925.2	-	187,760,500	23,291,100	3,427,866	8,109,750	8,109,750	-	-	-	222,589,216
7	Phạm Văn Hiền (Đùng Giầy) - Nguyễn Văn Khởi (Sử dụng)	Ấp Thọ Lâm 1, xã Tân Phú	53.8	-	-	53.8	-	-	-	-	53.8	-	7,801,000	-	2,629,068	4,438,500	4,438,500	-	-	-	14,868,568
8	Phan Ngọc Cẩn - Lê Thị Tuyết	Ấp Phương Mai, xã Phú Lâm	213.9	-	-	213.9	-	-	213.9	-	-	-	21,411,390	-	792,500	20,826,630	17,646,750	3,179,880	-	4,000,000	47,030,520
9	Mai Đình Anh Quang - Nguyễn Thị Nhị	Ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	2939.9	-	-	2939.9	-	-	2939.9	-	-	-	294,283,990	-	10,892,330	255,261,270	242,541,750	12,719,520	-	20,000,000	580,437,590
10	Phạm Quý Cảnh - Trần Thị Hội	Ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	366.4	-	-	366.4	-	-	366.4	-	-	-	36,676,640	-	1,357,512	33,407,880	30,228,000	3,179,880	-	8,000,000	79,442,032
11	Nguyễn Văn Viên - Nguyễn Thị Quý (đùng Giấy Chứng Nhân) - Phạm Thị Thủy Tiên	Ấp Thanh Trung, xã Phú Lâm	1548.9	-	-	1548.9	-	-	1,246	302.9	-	-	155,044,890	117,704,192	17,096,349	130,964,130	127,784,250	3,179,880	-	16,000,000	436,809,561
12	Nguyễn Văn Ba	Ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	162.4	-	-	162.4	-	-	-	162.4	-	-	27,800,740	-	-	37,675,440	36,085,500	1,589,940	-	8,000,000	73,476,180
13	Đinh Quang Tuấn - Phan Thị Ngọc Bích	Ấp Phương Mai, xã Phú Lâm	16467.8	-	-	16467.8	3543.2	-	-	12924.6	-	-	3,596,220,628	323,399,055	2,637,495,639	4,249,709,310	4,243,349,550	6,359,760	-	20,000,000	10,826,824,632

14	Phạm Văn Hào - Trần Thị Thu	Ấp Phương Mai, xã Phú Lâm	1,499	-	-	1,499	-	-	1,499	-	-	-	150,049,900	-	5,553,795	130,027,260	-	130,027,260	-	16,000,000	301,630,955
15	Nguyễn Đào Long	Ấp Thanh Thọ, xã Phú Lâm	919.5	-	-	919.5	919.5	-	-	-	-	-	150,503,760	2,428,878	109,144,336	62,276,940	60,687,000	1,589,940	-	16,000,000	340,353,914
16	Nguyễn Sơn Hải - Phạm Thị Thái Thanh	Ấp Thanh Thọ 2, xã Phú Lâm	239.4	-	-	239.4	239.4	-	-	-	-	-	31,347,994	51,753,398	7,168,000	15,820,200	12,640,320	3,179,880	-	12,000,000	118,089,592
17	Tai Vĩnh Phát	Ấp Phú Cường, xã Phú Lâm,	948.7	-	-	948.7	948.7	-	-	-	-	-	155,283,216	2,506,010	147,312,123	64,204,140	62,614,200	1,589,940	-	16,000,000	385,305,489
18	Tai Nhục Đường	Ấp Phú Yên, xã Phú Lâm	152.5	-	-	152.5	152.5	-	-	-	-	-	24,961,200	4,281,232	30,124,077	11,654,940	10,065,000	1,589,940	-	8,000,000	79,021,449
19	Nguyễn Văn Tấn - Nguyễn Thị Kim Phụng	Ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm	2046.6	-	-	2046.6	2046.6	-	-	-	-	-	734,934,060	6,878,135	233,287,557	832,052,880	828,873,000	3,179,880	-	20,000,000	1,827,152,632
20	Nguyễn Thị Kim Phụng	Ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm	244.8	-	-	244.8	244.8	-	-	-	-	-	87,907,680	1,094,644	20,605,105	99,144,000	99,144,000	-	-	-	208,751,429
21	Nguyễn Đăng Long - Đỗ Thị Kim Tuyền	Ấp Phú Thắng, xã Phú Lâm	1101.1	-	-	1101.1	1101.1	-	-	-	-	-	395,405,010	20,930,498	149,745,096	449,125,380	445,945,500	3,179,880	-	20,000,000	1,035,205,984
22	Đình Quốc Huy - Mai Thị Lưu	Ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm	2457.8	-	-	2457.8	2457.8	-	-	-	-	-	882,595,980	33,630,000	454,177,710	998,588,880	995,409,000	3,179,880	-	20,000,000	2,388,992,570
23	Lưu Văn Nam - Trà Thị Sương	Ấp Phú Yên, xã Phú Lâm	3106.3	-	-	3106.3	3106.3	-	-	-	-	-	591,857,618	18,023,274	92,659,644	242,893,860	236,534,100	6,359,760	-	20,000,000	965,434,396
24	Trần Văn Vĩnh	ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	4493.1	-	-	4493.1	-	-	-	845	-	3648.1	496,712,205	37,555,814	556,406,404	373,860,630	370,680,750	3,179,880	-	20,000,000	1,484,535,053
25	Hoàng Thế Đức	Ấp Phú Thành, xã Phú Lâm	281.2	-	-	281.2	281.2	-	-	-	-	-	46,026,816	13,030,795	53,052,072	20,149,140	18,559,200	1,589,940	-	12,000,000	144,258,823
26	Diệp Văn Chương	Ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, Tỉnh Đồng nai	4321.2	-	-	4321.2	4321.2	-	-	-	-	-	777,816,000	107,611,004	721,599,220	333,695,010	327,335,250	6,359,760	-	20,000,000	1,960,721,234
27	Lý Mẫn Cẩm	xã Phú Thành, xã Phú Lâm	1778.1	-	-	1778.1	1778.1	-	-	-	-	-	368,689,035	39,276,087	230,123,936	16,200,690	14,610,750	1,589,940	-	20,000,000	674,289,748
28	Lý Thiện Sinh	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	150.7	-	-	150.7	150.7	-	-	-	-	-	24,666,576	398,077	23,904,090	11,536,140	9,946,200	1,589,940	-	8,000,000	68,504,883
29	Hoàng Văn Xin -Lương Thị Bình	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	12961.6	-	-	12961.6	2946.5	-	-	-	-	10015.1	2,121,554,688	86,271,750	2,414,313,090	861,825,360	855,465,600	6,359,760	-	20,000,000	5,503,964,888
30	Bàng Tử Cường	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	6383.3	-	-	6383.3	6383.3	-	-	-	-	-	1,017,592,013	65,181,200	380,766,848	416,679,120	410,319,360	6,359,760	-	20,000,000	1,900,219,181
31	Bà Sứ Sám Mùi	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	2668.5	-	-	2668.5	2668.5	-	-	-	-	-	436,740,857	34,012,896	345,185,904	179,285,040	176,105,160	3,179,880	-	20,000,000	1,015,224,697

32	Vòng Ân Quang - Trần Thị Liên	ấp Phú Tân, xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	3028.3	-	-	3028.3	3028.3	-	-	-	-	711,650,500	49,896,915	561,746,115	312,013,980	308,834,100	3,179,880	-	20,000,000	1,655,307,510	
33	Trần Công - Vũ Thị Tin	Ấp Phú Lợi , xã Phú Lâm	21.6	-	-	21.6	-	-	-	21.6	-	7,756,560	1,902,720	-	-	-	-	-	2,000,000	11,659,280	
34	Ông Trần Thủy Hùng và bà Trần Thị Lươn, Ông Hầu A Sáng và Bà Gíp A Cầu, Ông Ngô Đức Tuấn và bà Vũ Thị Hương, Ông Lại Văn Phi và bà Nguyễn Thị Tươi, Ông Nguyễn Văn Hòa và bà Mai Thị Hồng Nhung ; undefined	ấp Phú Thành, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	793.6	-	-	793.6	-	-	-	793.6	-	284,981,760	14,038,240	24,895,199	-	-	-	-	16,000,000	339,915,199	
35	Trần Văn Nho - Trần Thị Tươi	ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	4704.6	-	-	4704.6	2,418	-	-	1.5	2285.1	1,620,043,245	5,510,400	206,389,776	1,821,720,510	1,815,360,750	6,359,760	-	20,000,000	3,673,663,931	
36	Trần Đăng Khoa	ấp Phú Lợi, xã Phú Lâm, thành Phố Đồng Nai	395.4	100	100	295.4	295.4	-	-	-	-	461,488,400	-	5,752,700	-	-	-	-	16,000,000	483,241,100	
37	Lại Văn Tới	ấp Phương Mai, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	1129.4	-	-	1129.4	1129.4	-	-	-	-	362,876,220	14,383,717	117,448,891	458,996,940	457,407,000	1,589,940	-	20,000,000	973,705,768	
38	Võ Phạm Tô Luyện - Phạm Văn Xuân	ấp Phú Hợp B, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	3,729	-	-	3,729	-	-	-	3,729	-	373,272,900	198,145,187	12,617,745	314,002,260	307,642,500	6,359,760	-	20,000,000	918,038,092	
39	Bà Đỗ Thị Liên	Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	469.4	-	-	469.4	-	-	-	469.4	-	46,986,940	-	1,739,128	40,315,440	38,725,500	1,589,940	-	8,000,000	97,041,508	
40	Phạm Thái Sơn	Ấp Phương Lâm, xã Phú Lâm	142.2	-	-	142.2	142.2	-	-	-	-	14,234,220	-	-	13,321,440	11,731,500	1,589,940	-	8,000,000	35,555,660	
41	Bùi Thanh Hùng - Trần Thị Thắm	ấp Phú Yên, xã Phú Lâm, thành phố Đồng Nai	6,351	-	-	6,351	6,351	-	-	-	-	1,039,531,680	69,480,294	1,183,252,455	431,885,520	419,166,000	12,719,520	-	20,000,000	2,744,149,949	
42	Bùi Thị Dương	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	1683.9	-	-	1683.9	-	-	-	1683.9	-	541,037,070	21,487,600	15,518,516	683,569,440	681,979,500	1,589,940	-	20,000,000	1,281,612,626	
Tổng			108526.5	100	100	108426.5	49074.4	369.7	11236.7	20550.1	13532.4	13663.2	21,011,407,061	1,399,952,438	11,124,335,857	15,811,394,010	15,547,811,790	263,582,220	-	606,000,000	49,953,089,366